



**SAO Y BẢN CHÍNH**

Ngày.....tháng.....năm 20.....

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG  
VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM FECON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	8 - 23

...D.N  
K  
V  
C

M  
\*

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm Fecon đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm Fecon (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 9 năm 2009 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Phạm Việt Khoa	Chủ tịch
	Ông Hà Thế Lộng	Ủy viên
	Ông Trần Trọng Thắng	Ủy viên
	Ông Hà Thế Phương	Ủy viên
	Ông Nguyễn Chí Công	Ủy viên
	Ông Phạm Quốc Hùng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Quang Hải	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Phạm Việt Khoa	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Chí Công	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Trọng Thắng	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Nghiên	Giám đốc tài chính

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**Phạm Việt Khoa**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2010*

Số: 614/2010/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm Fecon

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm Fecon**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chủ yếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm Fecon (gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 04 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Hạn chế phạm vi kiểm toán**

Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 chưa được kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán để xem xét số dư đầu kỳ nhưng các thủ tục này không giống như các thủ tục của một cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính năm thông thường. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các ảnh hưởng (nếu có) của số dư đầu kỳ đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 của Công ty.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**Nguyễn Anh Tuấn**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV  
Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)**  
Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.  
Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2010

**Đinh Văn Thắng**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1147/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>145.315.064.654</b>	<b>89.960.598.259</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>31.070.840.145</b>	<b>4.311.369.905</b>
1. Tiền	111		31.070.840.145	4.311.369.905
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>5.2</b>	<b>46.072.771.515</b>	<b>29.439.692.062</b>
1. Phải thu khách hàng	131		43.787.704.778	25.788.212.962
2. Trả trước cho người bán	132		2.284.368.907	3.651.478.950
5 Các khoản phải thu khác	135		697.830	150
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>64.046.563.547</b>	<b>47.614.091.070</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.3	64.046.563.547	47.614.091.070
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.124.889.447</b>	<b>8.595.445.222</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	181.276.404
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.097.053.052	8.351.726.833
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		25.769.728	190
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	1.002.066.667	62.441.795
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>130.945.350.298</b>	<b>88.523.451.403</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>127.658.384.486</b>	<b>87.317.467.684</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	107.972.575.764	75.567.102.155
- Nguyên giá	222		143.304.049.327	94.369.804.928
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.331.473.563)	(18.802.702.773)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	19.653.188.972	7.158.837.740
- Nguyên giá	228		20.485.448.399	7.773.674.090
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(832.259.427)	(614.836.350)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	32.619.750	4.591.527.789
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.286.965.812</b>	<b>1.205.983.719</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	3.286.965.812	1.205.983.719
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>276.260.414.952</b>	<b>178.484.049.662</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 01-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>163.059.034.882</b>	<b>141.310.632.892</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>111.223.798.128</b>	<b>112.212.070.496</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	38.374.795.755	18.263.690.409
2. Phải trả người bán	312		43.381.864.112	35.155.634.893
3. Người mua trả tiền trước	313		18.260.768.814	9.661.201.813
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	7.160.106.710	554.706.768
5. Phải trả người lao động	315		-	711.024.300
6. Chi phí phải trả	316	5.11	-	100.000.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	25.965.365	47.765.812.313
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		4.020.297.372	-
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>51.835.236.754</b>	<b>29.098.562.396</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.13	51.835.236.754	29.098.562.396
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>113.201.380.070</b>	<b>37.173.416.770</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.14</b>	<b>113.201.380.070</b>	<b>37.173.416.770</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		87.997.180.000	32.333.630.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1.079.287.988)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.020.297.374	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.010.148.686	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20.253.041.998	4.839.786.770
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>433</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+433)</b>	<b>440</b>		<b>276.260.414.952</b>	<b>178.484.049.662</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Chỉ tiêu	TM	31/12/2009	1/1/2009
5. Ngoại tệ các loại (USD)		1.102,57	1.314,59

Người lập biểu

Nguyễn Thị Yến

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Vân

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2010

Tổng Giám đốc



Phạm Việt Khoa

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2009	Năm 2008
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	245.307.648.563	189.677.630.148
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.15	245.307.648.563	189.677.630.148
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	181.193.561.356	170.989.598.837
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		64.114.087.207	18.688.031.311
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	898.370.054	215.719.929
7. Chi phí tài chính	22	5.18	9.270.325.936	3.428.586.376
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.615.316.727	2.837.081.061
8. Chi phí bán hàng	24		58.505.000	159.553.800
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.972.113.720	9.900.089.407
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		41.711.512.605	5.415.521.657
11. Thu nhập khác	31	5.19	23.000.004	54.618.812
12. Chi phí khác	32	5.19	1.023.348.445	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(1.000.348.441)	54.618.812
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		40.711.164.164	5.470.140.469
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.20	7.033.272.777	1.033.068.326
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		33.677.891.387	4.437.072.143
18. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		-	-
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		33.677.891.387	4.437.072.143
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		5.21	4.996	1.372

Người lập biểu

Nguyễn Thị Yên

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Vân

Hà Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2010  
 Tổng Giám đốc



Phạm Việt Khoa



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
*(theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2009
			VND
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		40.711.164.164
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02		16.780.204.722
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.424.115.854
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(898.370.054)
- Chi phí lãi vay	06		5.615.316.727
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		63.632.431.413
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(15.901.906.803)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(16.432.472.477)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		16.258.261.638
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.900.801.171)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(5.615.316.727)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(744.119.501)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		24.095.482
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(55.619.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		39.264.552.104
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(53.704.866.921)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		874.480.090
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(52.830.386.831)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		7.996.460.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		95.484.539.192
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(54.651.756.627)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.266.620.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		40.562.622.565
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		26.996.787.838
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.311.369.905
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(237.317.598)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		31.070.840.145

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Yến

Nguyễn Thị Thanh Vân

Phạm Việt Khoa

# CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGÂM FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B09 - DN/HN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngấm Fecon (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 9 năm 2009.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 7, các cổ đông sáng lập của Công ty bao gồm:

Số TT	Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần VND	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Trọng Thắng	641.996	6.419.960.000	7%
2	Hà Thế Lộng	840.713	8.407.130.000	10%
3	Nguyễn Chí Công	363.804	3.638.040.000	4%
4	Hà Thế Phương	771.198	7.711.980.000	9%
5	Phùng Tiến Trung	193.556	1.935.560.000	2%
6	Hà Cửu Long	628.366	6.283.660.000	7%
7	Hà Thị Bích	504.538	5.045.380.000	6%
8	Bùi Thanh Tùng	106.860	1.068.600.000	1%
9	Phạm Quốc Hùng	432.028	4.320.280.000	5%
10	Hà Thị Bốn	214.044	2.140.440.000	2%
11	Nguyễn Quang Hải	292.764	2.927.640.000	3%
12	Hà Thị Chín	176.184	1.761.840.000	2%
13	Phạm Việt Khoa	1.306.628	13.066.280.000	15%
14	Các cổ đông khác	2.327.321	23.273.210.000	26%
<b>Tổng</b>		<b>8.800.000</b>	<b>88.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Địa chỉ giao dịch: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Thi công xây dựng nền móng và công trình ngấm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi; Thi công hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và đô thị; Thí nghiệm khả năng chịu tải nền móng công trình bằng phương pháp nén tải trọng tĩnh và thí nghiệm tải trọng động biến dạng lớn (PDA); Thí nghiệm kiểm tra nguyên dạng và tính đồng nhất của cọc móng và các cấu kiện bê tông cốt thép bằng phương pháp siêu âm (SONIC) và phương pháp va đập biến dạng nhỏ (PIT); Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn công trình; Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng và quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngấm (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Sản xuất và buôn bán các loại cấu kiện bê tông cốt thép, thép, phục vụ xây dựng nền móng và công trình ngấm; Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng; Ứng dụng và chuyển giao công nghệ xây dựng nền móng và công trình ngấm mới vào thực tế xây dựng tại Việt Nam; Buôn bán: vật tư, vật liệu, thiết bị, công nghệ thuộc hai lĩnh vực xây dựng và công nghiệp; Vận tải hàng hóa và vận chuyển hành khách; Kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô; Thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Dịch vụ kho vận; Tư vấn, môi giới và kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất); Kinh doanh khách sạn, văn phòng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar); Xuất khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán, khai thác và chế biến các loại khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm); Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Thi công xây dựng nền móng và công trình ngấm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi;

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan khác tại Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006; Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính hợp nhất của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty Mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó

**Các thay đổi trong chính sách kế toán**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán so với kỳ trước